

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOSố : 696 /BGDDT-KHTC

V/v đề nghị cung cấp số liệu học sinh mầm non thuộc đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2011

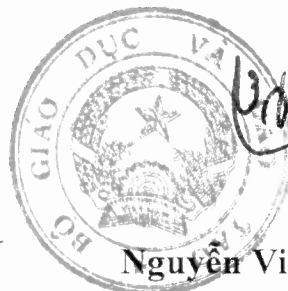
Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Triển khai Nghị quyết số 35/2009/QH12 Quốc hội khóa XII kỳ họp thứ V về chủ trương, định hướng đổi mới một số cơ chế tài chính trong giáo dục và đào tạo năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015, Chính phủ đã ban hành một số chính sách, theo đó thực hiện ưu tiên ngân sách phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi giai đoạn 2011-2015, trong đó có hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 5 tuổi theo Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 và hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em học mẫu giáo theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 có, cha, mẹ thường trú tại các xã biên giới, vùng cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ em học mẫu giáo mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế, trẻ em học mẫu giáo thuộc hộ nghèo .

Để có đầy đủ cơ sở tổng hợp và báo cáo các Chính phủ và các Bộ, ngành về tình hình triển khai thực hiện các Quyết định số 239/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 49/2010/NĐ-CP của Chính phủ tại các địa phương. Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổng hợp số liệu học sinh mầm non thuộc đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và hỗ trợ tiền ăn trưa theo Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 theo mẫu đính kèm gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 25/02/2011 (có thể fax trước về Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo số 04.36230740 hoặc gửi email theo địa chỉ :nguyenanhtuan619@gmail.com).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Vinh Hiền**

Sở Giáo dục và Đào tạo Tỉnh(Thành phố).....

Tiêu chí	Số Học sinh mẫu giáo 5 tuổi (QĐ 239)	Số trẻ em học mẫu giáo(NĐ 49)
Tổng số		
1. Huyện (Quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).....		
1.1 Có cha, mẹ thường trú các xã biên giới, vùng cao, hải đảo và các xã có ĐKKT-XH ĐBKK		
1.2 Mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có KK về KT		
1.3 Thuộc hộ nghèo		
2. Huyện (Quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).....		
2.1.....		
2.2.....		
2.3		
3. Huyện (Quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).....		
3.1.....		
3.2.....		
3.3		
4. Huyện (Quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).....		
4.1.....		
4.2.....		
4.3		
5. Huyện (Quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).....		
5.1.....		
5.2.....		
5.3		
... Huyện (Quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).....		
.1.....		
.2.....		
.3		

Sở Giáo dục và Đào tạo Tỉnh(Thành phố).....

(Ký, đóng dấu)